

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2022
V/v không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Tuấn
2. Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1972, có đơn xin vắng mặt
 2. *Bị đơn:* Ông Phạm Phú Đ, sinh năm 1970, có yêu cầu xin vắng mặt
- Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/3/2022, bà Đỗ Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Bà C và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1990, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Hiện tại ông bà đã không còn chung sống với nhau khoảng 02 năm nay. Do đó, bà C yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Hải Đ, sinh năm 1991 và Phạm Phú L, sinh năm 2000, hiện đã trưởng thành nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Quá trình giải quyết vụ án, bà C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Tại bản tự khai ngày 01/6/2022, ông Phạm Phú Đ trình bày:

Ông và bà C chung sống với nhau vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, hiện đã sống ly thân nên ông thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà C.

Vợ chồng có 02 người con chung tên Phạm Hải Đ, sinh năm 1991 và Phạm Phú L, sinh năm 2000, đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, ông xin vắng mặt do bận công việc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Đỗ Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Phú Đ. Do ông bà chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Ông Đ có địa chỉ tại ấp T, xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bà C và ông Đ đều có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà C và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông bà chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định

tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà Đỗ Thị C và ông Phạm Phú Đ là vợ chồng.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, ông bà có 02 người con chung tên Phạm Hải Đ, sinh năm 1991 và Phạm Phú L, sinh năm 2000, đều đã trưởng thành, bà C và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà C và ông Đ xác định ông bà không có tài sản chung, nợ chung, không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Đỗ Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 14, 53 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Đỗ Thị C và ông Phạm Phú Đ là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 04 tháng 4 năm 2022 bà C có dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0014858 tại C cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà C, ông Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bảo Trâm